

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **131/2024/DS – PT**

Ngày 11 – 11 – 2024;

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**,
bà **Võ Thị Minh Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 và ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2024/QĐ - PT ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Nguyễn Như M**, sinh năm 1960; địa chỉ: H Kiệt D đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Các bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1960;

2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1989;

3. Ông **Nguyễn Như H**, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, Quảng Nam.

4. Bà **Nguyễn Thị Mỹ H1**, sinh năm 1985; địa chỉ: Căn hộ A, K, Khu C, Đường A, Tổ dân phố I, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H đại diện theo uỷ quyền của các bà T, H1, T1 theo các văn bản uỷ quyền lập ngày 21/3/2022, 14/3/2022, 16/01/2024 (BL:114, 112, 160).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà **Nguyễn Thị Bích T2**, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà **Nguyễn Thị Bích Q**, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* bị đơn **Nguyễn Như H**.

- *Kháng nghị:* Quyết định số 03/QĐ – VKS – DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Các ông, bà M, H, P, Q, Bích T2 có mặt. Những người tham gia tố tụng khác

vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, phía nguyên đơn trình bày: ông Nguyễn Như H2 (sinh năm 1927, chết năm 1990) và bà Võ Thị N (sinh năm 1932, chết năm 1976), có 05 người con là Nguyễn Như T3 (chết năm 2016, có vợ là Nguyễn Thị Minh T, các con là Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Như H), Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Như M và Nguyễn Thị Bích Q. Ông H2, bà N chết không để lại di chúc. Nhà và đất thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 21 (theo hồ sơ cơ sở dữ liệu là thửa đất số 463, tờ bản đồ số 09, theo hồ sơ 299/TTg là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 08), diện tích 3.536m², tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là của ông H2, bà N để lại. Năm 1996, ông Nguyễn Như T3 tự ý kê khai, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận) đối với thửa đất này nhưng do bị khiếu nại nên UBND huyện N đã thu hồi giấy chứng nhận. Khi ông T3 còn sống, các anh chị em đã tiến hành họp gia đình nhiều lần yêu cầu phân chia khối tài sản trên cho 05 anh em nhưng không thống nhất được. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản là nhà đất do cha mẹ để lại cho 05 người con theo quy định, nguyên đơn có nguyện vọng nhận hiện vật, không yêu cầu bồi trả giá trị chênh lệch diện tích đất giữa các kỹ phần được chia.

Phía bị đơn cho rằng: tài sản của ông H2, bà N để lại như nguyên đơn trình bày là đúng; các bị đơn đề nghị giữ phần đất với ngôi nhà hiện tại làm nơi thờ cúng, phần còn lại chia theo quy định. Ngoài ra đề nghị trích thêm cho ông T3 một phần công sức quản lý tôn tạo di sản tương ứng 1/2 di sản mỗi người được nhận. Phía bị đơn đồng ý nhận ngôi nhà và bồi trả giá trị cho đồng thừa kế khác.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Thị Bích Q:** thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, yêu cầu được nhận đất, không yêu cầu bồi trả giá trị chênh lệch diện tích đất giữa các kỹ phần được chia; không đồng ý yêu cầu trích trả công tôn tạo, quản lý di sản cho ông T3.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 26, 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 47, Điều 246, khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990; các điều 609, 610, 612, 613, 649, 652, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 106, khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTWQH13 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: *chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bị đơn về việc chia thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 463, tờ bản đồ số 09, có diện tích 3.536m² (hồ sơ CSDL), theo hồ sơ 64/CP là thửa 223, tờ bản đồ 21 cùng tài sản gắn liền trên đất tại thôn P, T, N, Quảng Nam; chia cho bà Nguyễn Thị Bích Q diện tích đất 582,3m² có giá trị 180.513.000 đồng; chia cho ông Nguyễn Như M diện tích đất 582,3m² có giá trị 180.513.000 đồng; chia cho các ông bà Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Như H diện tích đất 772,7m² có giá trị 239.573.000 đồng; chia cho bà Nguyễn Thị Bích T2 diện tích đất 799,4m² có giá trị 241.614.000 đồng; chia cho bà Nguyễn Thị Bích P diện tích đất 799,3m² có giá trị 241.583.000 đồng; công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: giao cho các ông, bà Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Như H quản lý, sử dụng tài sản gắn liền trên đất là nhà trên diện tích*

73,18m²; các ông, bà Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Như H có nghĩa vụ liên đới thối trả cho ông M, bà Q, bà Bích T2 và bà P số tiền 23.400.000 đồng mỗi người, tổng cộng là 93.600.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Như M, bà Nguyễn Thị Bích Q về việc không yêu cầu các đồng thừa kế thối trả giá trị chênh lệch phần diện tích đất được chia.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 6 năm 2024, bị đơn Nguyễn Như H có kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam có kháng nghị đối với một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, xét xử vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N về cách tính giá trị quyền sử dụng đất của Tòa án cấp sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, công nhận sự thỏa thuận của các bên về giao cho nguyên đơn sở hữu ngôi nhà và xác định diện tích đất ở giao cho các đương sự theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng

[1.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn Nguyễn Như H không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần bản án sơ thẩm, giao ngôi nhà là di sản thừa kế cho phía nguyên đơn sở hữu; thống nhất phần quyết định của bản án sơ thẩm về xác định di sản, chia di sản thừa kế, đề nghị giải quyết vụ án đúng pháp luật về công sức tôn tạo, quản lý di sản của ông Nguyễn Như T3 như kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[1.2]. Đại diện Viện kiểm sát thông báo giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tính công tôn tạo, quản lý di sản của ông Nguyễn Như T3 theo quy định của pháp luật; rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N liên quan đến việc xác định trị giá quyền sử dụng 01m² đất tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 289, 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng nghị đã rút, phần bản án sơ thẩm liên quan đến nội dung kháng nghị bị đình chỉ xét xử phúc thẩm có hiệu lực theo bản án phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo, kháng nghị

[2.1]. Về thủ tục tố tụng: việc kháng cáo, kháng nghị được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của ông Nguyễn Như H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N là hợp pháp.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo

Bị đơn Nguyễn Như H yêu cầu giao ngôi nhà của ông H2, bà N cho nguyên đơn Nguyễn Như M sở hữu. Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Như M và bị đơn Nguyễn

Như H (đồng thời với tư cách là đại diện cho các bị đơn T2, H1, T1) tự nguyện thỏa thuận giao cho ông Nguyễn Như M sở hữu ngôi nhà 73,18m² (mái ngói, tường xây, nền gạch đất, o tơ <3,5m), gắn liền với phần diện tích đất 772,7m², thuộc thửa đất số 463, tờ bản đồ số 9; ông Nguyễn Như H (đồng thời với tư cách là đại diện cho các bị đơn T2, H1, T1) và các bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Thị Bích Q thỏa thuận không yêu cầu ông Nguyễn Như M bồi trả giá trị di sản là ngôi nhà cho các đồng thừa kế; sau khi được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất được giao theo bản án, ông M sẽ tự nguyện tháo dỡ ngôi nhà, bàn giao phần diện tích đất gắn liền với ngôi nhà cho các ông bà H, T2, H1, T1 quản lý, sử dụng, sở hữu quyền sử dụng đất. Sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Như H, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng thỏa thuận này.

[2.3]. Về nội dung kháng nghị

Tại phiên tòa, các đương sự xác nhận từ sau khi bà N, ông H2 chết (trước năm 1991), ông Nguyễn Như T3 có thời gian quản lý, sử dụng di sản, các đương sự khác là ông, bà M, Q, P, Bích T2 đều có công tôn tạo, quản lý di sản, chăm sóc, lo thờ cúng người để lại di sản. Tại thời điểm chia di sản thừa kế, công tôn tạo, quản lý di sản được quy định tại khoản 2 Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không tính công tôn tạo, quản lý di sản của ông T3 là không sát đúng pháp luật, không đảm bảo quyền lợi của các bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị này.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và các bà P, T2, Q đề nghị tính công tôn tạo, quản lý di sản của từng người nhưng các ông bà này không đưa ra yêu cầu tại cấp sơ thẩm, không kháng cáo bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có thẩm quyền xem xét. Tuy nhiên, trên cơ sở cân nhắc thời gian, công sức thực tế mà các ông bà M, T3, P, Bích T2, Q bỏ ra để tôn tạo, quản lý di sản, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, xác định công tôn tạo, quản lý toàn bộ di sản là 10%, trong đó ông Nguyễn Như T3 hưởng 2%, tương ứng số tiền 24.263.200 đồng. Theo đó, cần buộc các ông bà M, P, Bích T2, Q, mỗi người phải trả cho các đồng thừa kế của ông Thông số tiền 6.065.000 đồng. Cụ thể: ông M phải trả cho ông Nguyễn Như H 6.065.000 đồng; bà P phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh T 6.065.000 đồng; bà Bích T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị T1 6.065.000 đồng; bà Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 6.065.000 đồng.

[2.4]. Bản án sơ thẩm giao các phần đất cho đương sự nhưng không xác định loại đất là không đảm bảo thực tế thi hành án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 223, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.536m² chỉ xác định được loại đất thổ cư, không xác định được diện tích đất và vị trí đất ở. Tại Công văn số 90/CNVPĐK ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ xác định thửa đất có 300m² đất ở (BL 93); kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T không xác định được vị trí đất ở trên toàn bộ thửa đất. Căn cứ khoản 2 Điều 4, Điều 13 Quyết định số 28/2024/QĐ – UBND ngày 19 tháng 10 năm 2024 thì thửa đất số 21, tờ bản đồ số 223 (thửa 463, tờ bản đồ số 9) thuộc Khu vực 2, diện tích đất ở tối thiểu khi tách thửa là 60m². Theo đó, Hội đồng xét xử xác định lại loại đất trong các phần diện tích đất tách ra trên cơ sở tôn trọng vị trí nhà ở, công trình kiến trúc khác gắn liền với thửa đất và sự tự nguyện không nhận đất ở của bà Nguyễn Thị Bích T2 tại phiên tòa phúc thẩm. Cụ thể: diện tích đất 772,7m² giao cho

các ông bà H, T1, H1, T2 có 100m² đất ở, còn lại là đất thổ cư; diện tích đất 582,3m² giao cho ông Nguyễn Như M có 80m² đất ở, còn lại là đất thổ cư; diện tích đất 779,3m² giao cho bà Nguyễn Thị P 799,3m² có 60m² đất ở, còn lại là đất thổ cư; diện tích đất 799,4m² giao cho bà Nguyễn Thị Bích T2 là đất thổ cư; diện tích đất 582,2m² giao cho bà Nguyễn Thị Bích Q 582,3m² có 60m² đất ở, còn lại là đất thổ cư. Người được giao đất thổ cư được hưởng các quyền lợi, thực hiện nghĩa vụ liên quan theo pháp luật quy định.

Từ các nhận định trên, trên cơ sở quy định của văn bản pháp quy mới ban hành sau khi xét xử sơ thẩm và sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 21/2024/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam theo hướng: công nhận sự thỏa thuận của đương sự về giao quyền sở hữu ngôi nhà của ông H2, bà N để lại; tính công tôn tạo, quản lý di sản cho ông Nguyễn Như T3 và xác định diện tích đất ở trong từng phần đất được giao cho đương sự.

[2.3]. Về án phí dân sự và chi phí tố tụng

[2.3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: sửa phần quyết định của bản án về án phí sơ thẩm tương ứng với sự thay đổi về nhận sở hữu ngôi nhà, công tôn tạo, quản lý di sản và đơn xin miễn án phí của đương sự là người cao tuổi. Trong đó: miễn án phí cho các ông, bà: Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Như M, Nguyễn Thị Minh T; bà Nguyễn Thị Bích Q phải chịu 9.025.650 đồng; các ông bà Nguyễn Như H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Mỹ H1, mỗi người phải chịu 3.297.950 đồng.

[2.3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Như H.

[2.3.3]. Các đương sự không kháng cáo, không yêu cầu về chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và không được Tòa án xem xét theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, các điều 26, 35, 39, 47, 246, 294, 296, 289, 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 24, 25, 34, 35 Pháp lệnh thừa kế ngày 30 tháng 8 năm 1990; các điều 609, 610, 612, 613, 618, 649, 652, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 37, 45, 137 Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị tại Quyết định số 03/QĐ – VKS – DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam; phần quyết định tại Bản án sơ thẩm số 21/2024/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam liên quan đến nội dung bị đình chỉ xét xử phúc thẩm có hiệu lực theo bản án phúc thẩm.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Như H, một phần nội dung kháng nghị tại Quyết định số 03/QĐ – VKS – DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, sửa một phần

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Như M về chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Như H2 và bà Võ Thị N để lại là nhà cấp 4 có diện tích 73,18m² gắn liền với đất thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 21 (thửa đất số 463, tờ bản đồ số 09), diện tích 3.536m², loại đất thổ cư (trong đó có 300m² đất ở), tại thôn P, xã T, huyện N.

3.1. Chia quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 463, tờ bản đồ số 9, tại thôn P, xã T, huyện N thành 05 phần như sau:

- Giao bà Nguyễn Thị Bích Q quản lý, sử dụng, sở hữu quyền sử dụng đất 582,3m², trong đó có 60m² đất ở, diện tích còn lại là đất thổ cư, trị giá 180.513.000 đồng (vị trí, tứ cận, diện tích, số đo các cạnh cụ thể tại lô số 1 của bản vẽ kèm theo bản án);

- Giao ông Nguyễn Như M quản lý, sử dụng, sở hữu quyền sử dụng đất 582,3m², trong đó có 80m² đất ở, diện tích còn lại là đất thổ cư, trị giá 180.513.000 đồng (vị trí, tứ cận, diện tích, số đo các cạnh cụ thể tại lô số 2 của bản vẽ kèm theo bản án);

- Giao các ông, bà Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Như H quản lý, sử dụng, sở hữu quyền sử dụng đất 772,7m², trong đó có 100m² đất ở, diện tích còn lại là đất thổ cư, trị giá 239.573.000 đồng; phần sở hữu chung của mỗi người là 25% giá trị quyền sử dụng đất (vị trí, tứ cận, diện tích, số đo các cạnh cụ thể tại lô số 3 của bản vẽ kèm theo bản án);

- Giao bà Nguyễn Thị Bích T2 quản lý, sử dụng, sở hữu chung quyền sử dụng đất 779,4m², là đất thổ cư, trị giá 241.614.000 đồng (vị trí, tứ cận, diện tích, số đo các cạnh cụ thể tại lô số 4 của bản vẽ kèm theo bản án),

- Giao bà Nguyễn Thị Bích P quản lý, sử dụng, sở hữu chung quyền sử dụng đất 779,3m², trong đó có 60m² đất ở, diện tích còn lại là đất thổ cư, trị giá 241.583.000 đồng (vị trí, tứ cận, diện tích, số đo các cạnh cụ thể tại lô số 5 của bản vẽ kèm theo bản án);

Các đương sự được giao đất có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật quy định. Người được giao đất thổ cư được hưởng các quyền lợi, thực hiện nghĩa vụ liên quan đến đất thổ cư theo pháp luật quy định.

3.2. Giao cho ông Nguyễn Như M sở hữu ngôi nhà cấp 4 có diện tích 73,18m² (mái ngói, tường xây, nền gạch đất, o tơ <3,5m); sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao theo bản án, ông Nguyễn Như M phải tháo dỡ ngôi nhà, bàn giao phần diện tích đất gắn liền với ngôi nhà cho các ông bà Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Như H quản lý, sử dụng theo quyết định của bản án. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc ông Nguyễn Như M không đòi trả giá trị ngôi nhà cho các ông bà Nguyễn Thị Bích Q, Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Như H.

3.3. C tôn tạo, quản lý di sản của ông Nguyễn Như T3 là 24.263.200 đồng. Buộc ông Nguyễn Như M phải trả cho ông Nguyễn Như H 6.065.000 (sáu triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh T 6.065.000 (sáu triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Bích T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị T1 6.065.000 (sáu triệu, không trăm sáu

mười lăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Bích Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 6.065.000 (sáu triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự

4.1. *Án phí dân sự sơ thẩm*: miễn án phí cho các ông, bà: Nguyễn Thị Bích T2, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Như M, Nguyễn Thị Minh T; bà Nguyễn Thị Bích Q phải chịu 9.025.650 (chín triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng; các ông bà Nguyễn Như H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Mỹ H1, mỗi người phải chịu 3.297.950 (ba triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi) đồng.

4.2. *Án phí dân sự phúc thẩm*: người kháng cáo không chịu. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Như H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006713 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2024). Kèm theo Bản án là bản vẽ liên quan diện tích đất tranh chấp.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng